



# BỒ ĐỀ HẢI

**Vạn Phật Thánh Thành**

Số 44, Tháng 5 - 6, 1999

2001 Talmage Road, Talmage, CA 95481- 0217

Tôi nhờ niệm Phật.  
Tịnh độ hiện tiền.  
Thọ dụng chân thật.  
Chúng gắng tinh chuyên!

Đức Nhân Pháp Sư

## Độc trong số này

- Khai Thị:  
*Gốc Bền Vững, Đạo Phát Sanh.*
- Lời Cảnh Tỉnh  
*Hiện Tại Là Thời Cơ Tốt Nhất*
- Kim Cang Kinh Thiển Thích  
*Phần 8: Y Pháp Xuất Sanh*
- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh  
*Phổ Môn Phẩm*
- Đại Bi Chú Cứu Giải
- Nhân Dịp Lễ Giỗ Hòa Thượng
- Thông Báo
- HT Hư Vân Họa Truyện  
*#17. Ấn Nơi Hang Sâu, Âm Thâm Tu Tập.*

## Phát Hành

Dharma Realm Buddhist Assn.  
City of Ten Thousand Buddhas  
(Vạn Phật Thánh Thành)  
2001 Talmage Rd.  
Talmage, CA 95481-0217  
Tel. (707) 462 - 0939  
Fax. (707) 462 - 0949  
bodehai@hotmail.com  
WWW.saigon.com/~fopusa

## Gốc Bền Vững, Đạo Phát Sinh

**When the Foundation is  
Established, the Way Comes Forth**

Ven. Master Hsuan Hua

Khổng Tử từng nói :“Ba người cùng đi ắt có người là thầy ta. Hãy chọn điều thiện mà học, còn điều bất thiện thì nên sửa đổi”. Từ những lời dạy này tôi nghĩ Khổng Tử là một bậc học giả xưa nay chưa từng có, cũng là một nhà đại giáo dục không tiền khoáng hậu, và cũng là một nhà chính trị tài giỏi không ai sánh bằng. Qua những lời này, ta thấy Khổng Tử rất khiêm tốn và cẩn trọng, ngài chẳng bao giờ cống cao tự mãn. Sao tôi nói như vậy? Bởi vì Ngài đã nói: *nếu với ba người cùng đi sẽ có hai người là thầy mình*, một người thầy để ông học hỏi và một người thầy để mình tránh không nên bắt chước. Đây là việc

Confucius once said, “When there are three people walking, my teacher is bound to be among them. I select their good points and follow them. I take their bad points and change them in myself.” From these words, we know that Confucius was a devoted scholar who was one of a kind. He was also a great educator who was in a class by himself. He was also a great statesman without equal. From these words, we also know that Confucius was humble and not careless. He never became conceited and arrogant. Why do I say this? Because he said that if there were three people, then he would have two teachers: one would be a teacher for him to emulate, and the other would be a teacher he wouldn't want to

chọn điều tốt lành để học. Với người có những điều hoàn hảo, ta sẽ học tập theo họ. Nếu người có những điều không tốt tự mình sẽ sửa đổi mà không bắt chước họ. Những điều tốt lành sẽ là mẫu mực cho ta và ta sẽ học tập theo đó. Những gì ác xấu ta sẽ tránh xa. Do đó nếu ta dùng đạo lý này như là một phương châm trong đời sống, ta sẽ thấy thoải mái bất kỳ ta ở nơi đâu, Cổ nhân có đức hạnh khiêm cung này. Do vậy, thế hệ con cháu sau này tôn kính họ là Thánh Hiền chẳng phải là vô cớ.

Có người nói :

“ Chúng nhân thị ngã sư,  
Ngã thị chúng nhân sư,  
Thời thường sư tự kỷ.”

“*Chúng nhân thị ngã sư*” mọi người đều là thầy ta. Song, “*Ngã thị chúng nhân sư*” tôi cũng là thầy của mọi người. Chúng ta học tập và làm gương cho nhau noi theo. “*Thời thường sư tự kỷ*” tôi luôn làm thầy dạy cho chính mình. Tôi thường xuyên hành xử như người thầy cho chính mình.

Mỗi ngày chúng ta nên quán chiếu lại những hành vi của mình có đúng đắn không? Có hợp với đạo lý chăng? Chúng ta nên thường xuyên quán sát phản tỉnh lại chính mình như thế.

Do vậy, nên ngài Tăng Tử từng nói : “*Mỗi ngày tôi có ba điều tự kiểm điểm chính mình. Phàm làm công việc gì, đã làm hết năng lực và trung thực hết chưa? Trong khi giao tiếp với bạn bè có chỗ nào không được thành tín chăng? Việc học tập mỗi ngày có chỗ nào chưa ôn tập nghiên cứu chu đáo không?*”. Tăng Tử tự thú nhận rằng mình chẳng phải là người thông minh lắm. Trong Hiếu kinh nói : Trọng Ni (Khổng Tử) ngồi, Tăng Tử đứng hầu. Hỏi: “Nếu Tiên Vương đã có đức hạnh cao tột và đạt được những yếu lý của đạo, nếu đem điều ấy để trị dân, dân sẽ được sống trong

emulate. This is to select the good and follow it: If someone has good points, I will learn from him. If he has bad points, I will change them in myself and not imitate him. Those who are good can be our models, and we can emulate them. Those who are not good can be an example of what we should avoid. So if we can take this principle as our motto in being people, we will be at ease wherever we are. The ancients had this kind of humble and courteous virtue. Thus, it is not without reason that later generations have honored them as sages.

Someone also said, “All people are my teachers.” Everyone is my teacher. “I am a teacher for all people.” I am also everyone’s teacher. Everyone is my professor, and I am also everyone’s professor. We learn from each other and rub off on each other. “I always teach myself.” I constantly act as my own teacher. Every day, we should briefly reflect on what we have done that day. “Were the things that I did today appropriate? Were they reasonable? Did I do anything unreasonable?” We should frequently examine ourselves. Thus Zengzi said, “I daily examine myself on three points— whether, in transacting business for others, I may have been not faithful; whether, in intercourse with friends, I may have been not sincere; whether I may have not mastered and practiced the instructions of my teacher.”

Zengzi said of himself that he was not a very intelligent person. So the *Classic of Filiality* (Xiaojing) says, “Zhongni (Confucius) was seated and Zengzi was attending upon him. The Master said, “The ancient kings had the highest virtue and the essentials of the Way. If these are used among the people, they will dwell in harmony and no resentment will arise between the ruler and his subjects. Did you know this?” Zengzi rose from his seat and said, “Seng is not smart. How could he know this?” He stood up and respectfully said to his Teacher, Confucius, “I, Seng, am very dull witted. I’m not able to

hòa mục, trên dưới đều thương yêu kính mến nhau. Ông biết điều ấy chăng?” Ông ta đứng thẳng dậy cung kính thưa: “Thưa thầy, con, Tăng Sâm là kẻ rất ngu độn, con không thể nào biết được về chỗ tốt cùng đức hạnh và đạt yếu lý về đạo của các Tiên Vương”.

Nếu ai ai cũng vận dụng đạo lý ấy thì sẽ có sự hòa mục và không thù nghịch giữa chính quyền và dân chúng. Đây là pháp “*trị quốc, tu thân, tề gia*”. Tăng Sâm nói là Ngài không đủ thông minh để hiểu nó. Rồi Khổng Tử nói: “Thân thể tóc da, bẩm thọ từ cha mẹ sinh ra, không nỡ hủy hoại nó, đó là khởi đầu của đạo hiếu”.

Sách Luận Ngữ chép “*Người quân tử cốt chăm lo cái gốc. Gốc bền vững thì Đạo được sinh. Hiếu Đễ chẳng phải là gốc làm người ư?*”. Người quân tử cốt yếu là học tập nguồn gốc của Đạo, chú tâm vào căn bản của đạo lý. Khi cái gốc được bền vững thì Đạo phát sinh lá cành sum suê. Sự sinh trưởng của Đạo cũng là sự lớn mạnh của rễ cây, là sự bền vững của gốc”. “*Hiếu Đễ há chẳng phải là gốc làm người ư?*” Ta phải tìm lại cội nguồn, phải biết làm người mình nên lưu tâm đến điều gì. Điều gì là cội gốc của con người mà ta phải tìm lại? Đó là *Hiếu Đễ*, tức là sự hiếu thảo với cha mẹ và kính trọng các bậc sư trưởng. Hiếu Đễ là bốn phận tối quan trọng nhất của con người. Điều quan trọng nhất chẳng phải là học rồi làm ra cho thật nhiều tiền, mà phải hoàn chỉnh tư cách làm người, tức là tròn vẹn đạo hiếu. Nếu ta không hiếu thảo với cha mẹ thì ta là người mất gốc. Người mà mất gốc thì không hiểu nghĩa làm người. Do vậy, điều kiện làm người lớn nhất là hiếu thảo với cha mẹ.

Ở Phương Tây, trong Anh ngữ không có từ ngữ giải thích hay minh họa rõ nét về lòng hiếu thảo với cha mẹ. Hiếu thảo

know about the highest virtue and the essentials of the Way of the ancient kings.” If the people can use this, then they will be in harmony and there will be no enmity between the government and the people. This is the great Dharma for governing a nation, cultivating oneself, and regulating the family. Zeng seng said he was not intelligent enough to understand it. Then Confucius said, “We received our body, hair, and skin from our parents and dare not harm them. This is the beginning of filiality.”

The *Analects* say, “A superior person attends to the foundation. Once the foundation is established, the Way comes forth. Are not filiality and fraternal respect the foundation of a person?” A superior person studies the fundamental principles. He devotes his attention to the fundamental principles. “Once the foundation is established, the Way comes forth.” When the foundation is established, then the roots will be deep and strong, and the leaves and branches will flourish. The coming forth of the Way is also the coming forth of the root, the establishing of the foundation. “Are not filiality and fraternal respect the foundation of a person?” We must trace back to the source and know what we



với cha mẹ nghĩa là báo đáp lại ân đức sinh thành đã nuôi nấng. Thân ta có được là do cha mẹ sinh. Do đó ta phải bảo vệ thân này. Bồi dưỡng cho tư tưởng được kiện toàn, thân thể khỏe mạnh, tư tưởng lành mạnh, hành vi cũng hoàn hảo và lành mạnh. Ta không nên làm tổn hại cơ thể mình. Điều đó có nghĩa là ta không nên lấy phần thân thể do cha mẹ sinh ra mà làm việc phạm pháp hoặc chống trái luật nghi, phép tắc xã hội. Ta phải tuân theo pháp luật, làm những việc chân chính của một con người chân thực.

Điều gì là cơ sở của đạo làm người ? Đó là : Nhân Nghĩa – Đạo Đức – Trung Hiếu. Từ khi lọt lòng mẹ chào đời, ý niệm về chữ Hiếu nên phải được dưỡng bồi trong tâm khảm mỗi người chúng ta, và ta phải chú tâm vào việc này. Nếu bạn là người có Hiếu, thì Trời đất đều hoan hỉ vui mừng với bạn. Nếu bạn là người hiếu thảo, chư vị Bồ tát đều vui mừng với bạn. Nếu bạn là người hiếu thảo, chư Phật sẽ rất hài lòng. Nếu bạn là người hiếu thảo thì cha mẹ của bạn chắc chắn sẽ không buồn phiền. Nếu bạn là người hiếu thảo, bạn sẽ chẳng bao giờ tranh giành lợi lộc với anh em, chị em của mình. Hiếu đạo là linh hồn của Trời đất và là nền tảng của nhân loại.

Ta phải trung thành với đất nước của ta. Trung thành với tổ quốc nghĩa là chí công vô tư, một lòng ngay chính không biến chất. Ta phải yêu mến và bảo vệ tổ quốc mình, đừng có nuôi dưỡng tư tưởng xâm chiếm nước khác. Nếu ta muốn bảo vệ nước mình thì mình là người trung thành với Tổ quốc .

Nếu ta xâm chiếm nước khác, thì ta chẳng phải là người trung với nước. Vì sao? Vì nếu bạn chiếm đoạt nước khác, là bạn phải sử dụng sinh mạng và của cải của người dân nước bạn để làm cuộc chiến

should pay attention to in our human life. What are the roots that people should seek? Filiality and fraternal respect. We should be filial to our parents and respectful to our elders. This is the most important human obligation. The most important matter is not finishing our studies and making a lot of money. We must fulfill our obligation of filiality and fraternal respect—this is our top priority. If we are not filial to our parents, then we are said to have forgotten our roots. People who forget their roots basically don't understand what it means to be human. Therefore, our foremost human obligation is to be filial to our parents.

In the West, in English there isn't a very obvious explanation of what it means to be filial to one's parents. Being filial to parents means repaying their kindness, the fundamental kindness which ought to be repaid. Our bodies were given to us by our parents. Therefore, we must protect our bodies, making sure that our thoughts are wholesome, our bodies are healthy, our ideas are healthy, our conduct is healthy, and we are healthy all-around. We cannot harm our bodies. That means we cannot use our bodies, given by our parents, to do things that break the law or go against the rules of etiquette. We have to follow the rules, do things in the proper way, and be true and honest people.

What is the human foundation? It is humaneness, righteousness, the Way, virtue, loyalty, and filiality. From the time of our birth, the concept of filial piety should be instilled in each of us and we should pay attention to it. If you can be filial, Lord God will be pleased. If you can be filial, the Bodhisattvas will be pleased. If you can be filial, the Buddhas will be pleased. If you can be filial, your parents won't get mad at you for sure. If you can be filial, you certainly won't compete for advantages against your brothers and sisters. Filial piety is the spirit of heaven and earth and the human foundation.

We should be loyal to our country. To be

tranh chém giết người khác. Đó là : *“Tranh đất mà đánh nhau, thân chất đầy đồng. Đánh nhau để chiếm thành, chiến tranh quét qua thành phố, thân chất đầy thành”*. *Tranh địa dĩ chiến, sát nhân doanh lý – Tranh thành dĩ chiến – sát nhân doanh thành”*.

Nếu ta đánh nhau để tranh giành đất, thì xác người chất đầy đồng hoang. Nếu ta tấn công một đô thị thì thành phố sẽ chứa đầy xác người. Điều này cũng giống như *lấy đất chiếm dân cũng như ăn thịt người*. Dẫu bị xử tử cũng không đủ trả cho tội này (*tội bất dung ư tử*). Đây là tội tử hình. Nếu bạn phạm tội tử hình, thì đối với nước của bạn, bạn là người bất trung và đối với nước kia, bạn bị xem là người thiếu trí tuệ.

Ta cần phải luôn luôn có lòng từ ái để cư xử với mọi người, mở lòng thương yêu rộng lớn đến mọi người. Chúng ta nên duyệt xét lại những việc mình làm. Ta nên giảm trừ những việc có ích cho mình mà không có lợi cho người. Ta phải phát triển và mở rộng phẩm chất nhân nghĩa.

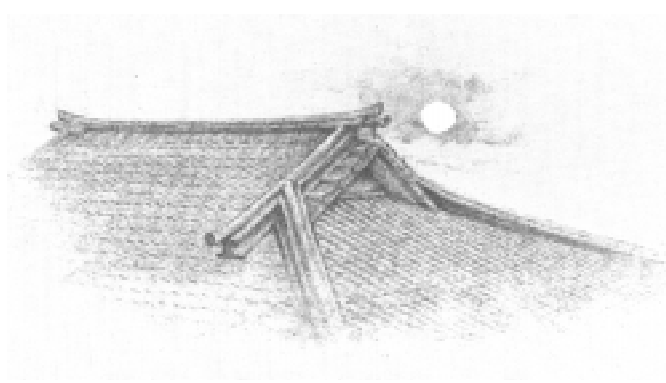
Nhân Nghĩa Đạo Đức Trung Hiếu – đây là những nền tảng cần thiết của đạo làm người. Ta phải thiết lập nền tảng của đức nhân này. Khi ta thực hành được điều ấy, cuộc sống của chúng ta sẽ được lành mạnh, thân thể khỏe mạnh và tâm hồn an lạc.

Chớ nên phiền não, âu lo đến nỗi tóc đổi màu, mắt mờ, tai điếc. Chớ có ngay cả khi nhắm mắt xuôi tay mà ta vẫn chưa giác ngộ, vẫn chưa sống được với những điều mẫu nhiệm. Một đời ta vẫn hoài phí trôi qua trong u mê tăm tối.



loyal to the country, we have to be public-spirited and unselfish, perfectly fair and just. We should cherish and protect our own country and not think about invading other countries in thought after thought. If we only protect our own country, then we are being loyal. If we invade other countries, then we are not being loyal. Why is this? If you invade another country, you have to use the lives and wealth of your own country to fight, make war, and kill others. There is a saying, “If war is waged over a piece of land, the slaughtered will fill the wilds. If war is waged over a city, the slaughtered will fill the city.” If you fight over land, the ground will be covered with corpses. If you attack a city and massacre the people inside it, the city will be filled with the dead. This is known as “using the country’s resources to devour people’s flesh.” It’s the same as eating people! “Death is insufficient punishment for this crime.” Ah! This is a capital crime. If you commit this capital crime, you are not being loyal to your own country, and you are not being wise in your dealings with other countries.

We should always maintain a kind and compassionate attitude and cherish all people. We ought to be benevolent towards everyone. We should take stock of what we do. We should do fewer things to benefit ourselves and not do anything that harms others. We have to develop and expand the qualities of humaneness, righteousness, the Way, virtue, loyalty, and filiality—these are the basic requirements for being a person. We should establish this human foundation. Once we do that, we will be healthy all our lives. We’ll be healthy in body and happy in spirit. It won’t be the case that we’re worried and afflicted to the point that our hair turns white, our eyes grow blurry, and our ears go deaf. It won’t be that even when it’s all over, we still don’t wake up, we’re still as puzzled as ever, having spent our entire lives in muddled confusion.\*\*\*



# Lời Cảnh Tỉnh

**Sư Cô Chứng Nghiêm**

*(tiếp theo Bồ Đề Hải 41)*

## PHẦN I: HIỆN TẠI LÀ THỜI CƠ TỐT NHẤT

- Mỗi ngày đều là lúc để mình bắt đầu đời mới. Mỗi giờ đều là lúc để mình thức tỉnh.
- Thời gian có thể dùng để hun đúc nhân cách, để thành tựu sự nghiệp, mà cũng có thể dùng để tích lũy công đức.
- Trên đời, người ta làm đặng bao nhiêu việc thì thọ mạng dài bấy nhiêu. Vì vậy phải cạnh tranh với thời gian, dùng để thời gian trôi qua lãng phí.
- Đời người phải vì thiện mà nỗ lực, tranh thủ trong từng phút giây.
- Con người ta thường thường trong lúc tự do tự tại, hay bị những điều dục vọng làm mê muội, khiến cho lãng phí thời giờ mà không chút hay biết.
- Thời giờ đối với người trí huệ thì quý giá như kim cương, nhưng đối với người ngu si thì hết như bùn đất, chẳng chút giá trị.
- Phật dạy: Mạng người ngắn như hơi thở ra vào. Người ta không ai có thể làm chủ sinh mạng, càng không thể làm chủ cái chết để sống mãi trên đời. Nếu sinh mạng đã là vô thường như vậy, mình càng phải biết thương tiếc nó, lợi dụng nó, sung thật nó, khiến cái thân mạng vô thường (nhưng bảo quý này) có thể phát huy ánh sáng chân thiện mỹ (của Phật tánh), chiếu rọi giá trị chân chính của kiếp người.
- Bởi vì thọ mạng của con người quá ngắn ngủi nên nó mới trân quý. Thật khó mà sinh vào cõi nhân gian này, nên bạn hãy tự hỏi: phải chăng ta đã vì nhân sinh mà cố gắng hết sức lực của mình; chẳng nên cứ chăm chăm muốn cầu sống lâu.
- Làm lành thì phải đúng lúc; làm công đức thì cần lâu dài. Như đun nước sôi: nước chưa sôi, chớ tắt lửa. Tắt rồi, nấu lại, mất công vô cùng.
- Vì sợ tốn thời giờ, do đó bạn đem hết tâm huyết, nghĩ đủ phương pháp để rút ngắn thời gian. Kết quả là bạn lãng phí thời gian nhiều hơn, mà chẳng gì thành công.
- Đa số người ta mê muội vì tìm kiếm phép lạ, rồi đình trệ chẳng thể tiến

bước. Thời gian có lâu hơn, đường có dài hơn nữa, cũng chẳng ích gì. Kế cuộc cũng không gì thành tựu.

- Một người sống mấy chục năm, thời gian thật sự sử dụng để làm người, và làm việc thì rất ít. Người siêng năng tới đâu cũng chỉ dùng một phần ba thời gian của đời họ mà thôi.
- Bình thường chẳng có chuyện gì làm, người ta để thời gian trống rỗng trôi qua. Đời người cứ thế từ từ đọa lạc trong vòng giải đãi lười biếng, ngũ nghĩ mộng mơ. Thế là lương tri và lương năng của người ấy ngủ mê cả đời. Y là “người trong cơn ngủ mê” mà thôi.
- Dùng trí huệ để suy xét ý nghĩa chân chính của nhân sinh. Dùng nghị lực để sắp đặt thời gian của đời mình.
- Điểm dị biệt lớn nhất giữa bậc thánh và phàm phu là: thánh nhân có thể làm chủ thời không.
- Sinh mạng thật ngắn ngủi vô vàn, do đó mình phải mau mau tiến bước. Không nên lê lét, như dẫm bùn. Cũng nhất là: chớ để chân trước đã đạp xuống đất, mà chân sau không chịu nhấc lên. Chân trước bước, chân sau nhấc, nghĩa là: việc ngày hôm qua thì hãy để nó qua đi. Hãy đem tâm thần chú ý tới việc ngày hôm nay.
- Bất luận trên cõi đời này mình đã đổ biết bao tâm huyết, chịu biết bao khổ sở, mình chớ đem tâm niệm nhớ nghĩ mãi những việc thành công làm trong quá khứ. Bởi bao nhiêu, cũng chớ đi ve vuốt lòng người, mong họ đến

đáp. Quá khứ thì chẳng ngừng lại, vị lai khó biết sẽ ra sao. Giữ tâm trong hiện tại, ngay đây là đúng.

- Nếu tâm dính trệ vào chuyện ngày hôm qua, vào chuyện quá khứ thì lòng sẽ sản sinh tạp niệm, chấp trước và lưu luyến. Người ta một khi thường thường hồi ức ôn lại chuyện quá khứ thì y sẽ cứ luôn đau khổ, đầy oán hận, giận dữ, chẳng cam lòng...
- Nghĩ chuyện tương lai: đó là vọng tưởng. Nghĩ việc quá khứ: đó là tạp niệm. Hãy giữ gìn tâm này trong một phút mỗi giây. Cẩn thận làm tròn bổn phận gìn giữ cái *hiện giờ*.
- Đời người cũng ví như đánh banh, không nhất định là lúc nào mình cũng có banh tốt. Kẻ lão luyện kinh nghiệm thì dù banh có ra sao, lúc nào y cũng đánh được.

(còn tiếp)





## Lược Giảng Kinh Kim Cang Bát-Nhã Ba-La-Mật

Hòa Thượng Tuyên Hóa

tại Phật Giáo Giảng Đường, San Francisco từ tháng 11 năm 1968 đến tháng 4 năm 1969.

(Tiếp theo)

PHẦN TÁM:

### Y PHÁP XUẤT SANH

TU BỒ ĐỀ, U Ý VÂN HÀ? NHƯỢC NHƠN MÃN TAM THIÊN ĐẠI THIÊN THẾ GIỚI THẤT BẢO, DĨ DỤNG BỐ THÍ, THỊ NHƠN SỞ ĐẮC PHƯỚC ĐỨC, NINH VI ĐA PHỦ? TU BỒ ĐỀ NGÔN: THÂM ĐA, THẾ TÔN! HÀ DĨ CỐ? THỊ PHỨC ĐỨC TỨC PHI PHỨC ĐỨC TÍNH, THỊ CỐ NHƯ LAI THUYẾT PHỨC ĐỨC ĐA. NHƯỢC PHỤC HỮU NHƠN, Ư THỪ KINH TRUNG, THỌ TRÌ NÃI CHÍ TỨ CÚ KỆ ĐĂNG, VI THA NHƠN THUYẾT, KỲ PHỨC THẮNG BÍ. HÀ DĨ CỐ? TU BỒ ĐỀ, NHẤT THIẾT CHƯ PHẬT CẬP CHƯ PHẬT A NẬU ĐA LA TAM MIỆU TAM BỒ ĐỀ PHÁP, GIAI TÙNG THỪ KINH XUẤT. TU BỒ ĐỀ, SỞ VI PHẬT PHÁP GIẢ TỨC PHI PHẬT PHÁP.

**Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu có người đem bảy thứ báu đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới để bố thí, người ấy được phước đức nhiều chăng?**

**Tu-bồ-đề đáp: Bạch Thế-tôn! Rất nhiều.**

**Vì sao? Vì phước đức ấy chẳng phải là tánh phước đức, nên Như-lai nói là phước đức nhiều.**

**Nếu lại có người thọ trì thậm chí chỉ bốn câu kệ trong kinh này, và giảng cho**

**người khác nghe, thì phước đức lại nhiều hơn người kia.**

**Vì sao? Tu-bồ-đề! Tất cả chư Phật cùng pháp a-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề của Phật, đều từ kinh này mà ra. Tu-bồ-đề! gọi là Phật-pháp, tức chẳng phải Phật-pháp.**

**Lược giải:**

**Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ thế nào? Nếu có người đem bảy thứ báu đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới để bố thí, người ấy được phước đức nhiều chăng?**

**Tu-bồ-đề đáp: Bạch Thế-tôn! Rất nhiều.**

Phật lại hỏi trưởng lão Tu-bồ-đề rằng thí dụ có một người dùng các đồ bảy báu, số lượng có thể rải khắp tam thiên đại thiên thế giới mà bố thí, thì phước đức của người này có nhiều hay không?

Tam thiên đại thiên thế giới là như thế nào? Mỗi thế giới gồm có núi Tu-di, bốn bộ châu lớn, tức là châu Đông-thắng-thần, châu Nam-thiệm-bộ, châu Tây-ngư-hạ, châu Bắc-câu-lư, một mặt trời, một mặt trăng. Một ngàn thế giới như thế gọi là một tiểu thiên thế giới. Một ngàn tiểu thiên thế giới gọi là một trung thiên thế giới. Một ngàn trung thiên thế



giới gọi là một đại thiên thể giới. Bởi vì có tiểu thiên, trung thiên, đại thiên, nên gọi là tam thiên đại thiên thể giới.

Vậy là của báu có thể rải khắp cả tam thiên đại thiên thể giới. Bảy báu thì gồm có vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, và mã não. Có người đem chừng ấy vật báu để bố thí, thì phước đức này có nhiều hay không. Phật hỏi ông Tu-bồ-đề như vậy và ông Tu-bồ-đề lập tức trả lời là “rất nhiều.”

**Vì sao? Vì phước đức ấy chẳng phải là tánh phước đức, nên Như-lai nói là phước đức nhiều.**

Tại sao lại nói phước đức ấy nhiều? Bởi vì phước đức ấy là do bố thí mà có tướng, không liên quan gì đến phước đức của trí huệ trong tự tánh của chúng ta, do đó Như-lai mới nói rằng phước đức của người đem đồ bảy báu ra bố thí rất lớn. Tuy nhiên, đây chỉ là tướng, tướng phước đức, không phải tánh phước đức.

**Nếu lại có người thọ trì thậm chí chỉ bốn câu kệ trong kinh này, và giảng cho người khác nghe, thì phước đức lại nhiều hơn người kia.**

Phật lại lấy ví dụ khác: một người thọ trì bộ kinh này, lấy tâm lãnh thọ, lấy thân hành trì (thọ tức là thọ dụng ở trong lòng; trì, tức là thân mình thực hành), không nói thọ trì toàn bộ kinh, chỉ cần giới hạn trong "bốn câu kệ" v.v... Đây là chỉ bốn câu tụng kệ trong một đoạn kinh, ở một phần sau. Bốn câu đó là:

*Nhược dĩ sắc kiến ngã  
Dĩ âm thanh cầu ngã  
Thị nhân hành tà đạo  
Bất năng kiến Như-lai.*

Dịch nghĩa:

*Như lấy sắc mà thấy ta,  
Lấy âm thanh mà cầu ta,  
Người đó theo đạo tà,  
Không thể thấy Như-lai.*

Có người cho rằng mấy câu: “Phàm cái gì có tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng là phi tướng, thì thấy được Như-lai” là “bốn câu kệ” nói trong kinh. Có người thì nói: “Không tướng ngã, không tướng người, không tướng chúng sanh, không tướng thọ giả” là “bốn câu kệ.” Cũng có người lại trở vào mấy câu này: “Tất cả pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, ảnh, như sương, như điện chớp, nên quán theo như thế.”

Tất cả các câu kể trên đều có thể coi như “bốn câu kệ” cả.

Nói tóm lại, bốn câu ở trên, hoặc bất luận bốn câu nào khác, tương ứng với ta, ta thường ghi nhớ, và có thể giảng cho người khác nghe đều là “bốn câu kệ.” Chẳng cứ phải nhất thiết khư khư vào bốn câu nào đó một cách cứng ngắt, bởi lẽ pháp tức vô định pháp. Nếu lại cố định vào bốn câu này, hay bốn câu kia, thì sẽ biến thành cố định pháp. *Kinh Kim Cang* dạy phải hàng phục tâm, ly tướng, quét sạch mọi pháp, liá tất cả các tướng - “*ly nhất thiết tướng, tấc danh chư Phật*” - cho nên khi giảng kinh cũng phải giảng cho linh hoạt là nghĩa như vậy.

“Bốn câu kệ” chẳng phải nhất định là bốn câu nào. Ý nghĩa của câu nào hợp với chúng ta thì gọi là “bốn câu kệ.”

Nay chúng ta lấy ý nghĩa của bốn câu kệ giảng cho mọi người hiểu. Chúng ta theo đó thọ trì, là chúng ta tự tu, giảng cho người khác là làm lợi cho người. Tự tu thì tự lợi, cũng là tự giác. Giảng cho người là lợi tha, giác tha. Chúng ta hiểu được Phật-pháp, lại đem điều hiểu biết

đó nói cho tất cả mọi người hiểu, nghĩa là giác tha.

Chúng ta lấy bốn câu kệ để tự mình hành trì, rồi vì người mà nói pháp, đã lợi cho mình còn lợi cho người, thế thì phước đức này còn hơn phước đức của người đã bố thí bằng số lượng bảy báu, nhiều đến nỗi có thể trùm khắp cả tam thiên đại thiên thế giới như vừa nói ở trên. Tuy công đức của người này lớn, nhưng so với công đức của chúng ta trong việc thọ trì bốn câu kệ, hoặc giảng cho người khác nghe thì vẫn không bằng, bởi có sao vậy? Bởi vì cách bố thí của người đó thuộc về loại tài thí. Chúng ta đem bốn câu kệ diễn giảng ý nghĩa cho mọi người, tức là pháp thí, một trong những loại bố thí cao thượng nhất, cho nên có câu: *“Trong các loại cúng dường, cúng dường pháp là đứng đầu”* (chư cúng dường trung, pháp cúng dường tối).

**Vì sao? Tu-bồ-đề! Tất cả chư Phật cùng pháp a-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề của Phật, đều từ kinh này mà ra. Tu-bồ-đề! gọi là Phật-pháp, tức chẳng phải Phật-pháp.**

Phật bảo: Tại sao vậy? Ông Tu-bồ-đề! Ông nên hiểu rằng tất cả chư Phật trong mười phương và ba đời, cũng như pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác mà chư Phật chứng đắc đều do *thực tướng bát-nhã* mà ra cả. Ông Tu-bồ-đề! Ông phải biết rằng gọi là Phật với pháp, tức chẳng phải Phật-pháp, ông không nên chấp trước vào Phật với pháp, phải cho tất cả là không; người không, pháp không, cái ý tưởng không đó cũng không luôn, như vậy gọi là quét tất cả pháp, lìa tất cả mọi tướng. Nếu ông không lìa được các tướng, thì các thứ gọi là bốn lai diện mục, bản địa phong quang, của báu trong

nhà, tự tánh bát-nhã, không sao hiển hiện được. Không hiển hiện nghĩa là mất chẳng? Chẳng phải mất! Chỉ là không dùng được nó.

Có người lại nói: “Bảo rằng Phật-pháp không nhất định, thế sao còn nói lục độ, vạn hạnh? Lại còn bảo phải giữ giới và tu phước nữa? Nếu đã là không pháp, vậy thì chẳng cần trì giới, chẳng cần tu phước.” Quan niệm như vậy là tà tri, tà kiến, tại sao? Bởi vì, tuy nói không chấp tướng, nhưng ta vẫn phải y theo pháp mà tu hành. Thí dụ khi trì giới, trong lòng không khởi lên sự chấp trước; làm công đức cũng không khởi lên chấp trước. Nếu chấp trước thì không có công đức. Chẳng chấp trước, công đức tất sẽ tận cùng hư không, trùm khắp pháp giới.

Giả tỷ, chúng ta hiểu lầm Phật-pháp, cho rằng nếu đã coi pháp là không nhất định, thì ta khỏi cần trì giới nữa, trong ngũ giới thì giết hại là chẳng giết hại, ăn trộm là chẳng ăn trộm, tà dâm là chẳng tà dâm, nói dối là chẳng nói dối, đó chính là tà tri và tà kiến to lớn, tương lai đọa địa ngục, thành thử chúng ta phải hết sức tránh lối suy rộng quan niệm “không,” coi thường lễ nhân quả theo kiểu đó, cho nên có câu:

*Khoát đạt không, bát nhân quả,*

*Mãng mãng dăng dăng chiêu ương họa,*

*Khí hữu chấp không, bệnh diệc nhiên,*

*Hoàn như ty nịch nhi đầu hỏa.*

Dịch nghĩa:

*Không quá trốn, bỏ nhân quả,*

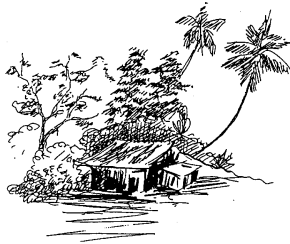
*Mịt mù mù mù chiêu tai họa,*

*Bỏ có chấp không, bệnh còn*

*nguyên,  
Khởi nạn chết đuối, bị nạn lửa.*

Bởi vậy, chẳng thể coi phước là không, họa là không, cái gì cũng không, điều đó là gieo nhân đọa địa ngục. Ngàn vạn lần chớ rơi vào loại tà kiến này. Bạn không làm công đức, bạn có nghiệp tội. Làm công đức, cũng không chấp vào công đức của mình, vậy mới đúng. Bạn không thể không làm công đức, cũng không thể không giữ giới. Nếu không giữ giới sẽ đọa địa ngục, mỗi người trong chúng ta phải nhận định cho rõ ràng điều này.

*(còn tiếp)*



### NHÂN DỊP LỄ GIỖ....

Ngài dặn dò chúng đệ tử hãy siêng năng tu tập Giới Định Tuệ, chuyển hóa sạch tham sân si ; vì Pháp quên thân ; thương yêu, kính trọng nhau, hỗ trợ nhau trong việc truyền bá Chánh Pháp...

Khi tôi nghe tin này, không những thấy núi non sụp đổ, lòng đất chấn động, mà còn thấy cả thế giới và mọi người như biến mất; như kiếp hỏa thối qua muôn vật. Tôi chẳng thể nói được là mình đang mơ hay tỉnh, vạn vật là ảo hay thật... Tôi thấy mình như đứa trẻ ngây ngô, như tượng đá vô tri. Sau một lúc, khi tôi hồi phục lại tri giác, mới biết là mình vừa trải qua một cơn xúc động vì

đau buồn ngập tràn.

Hôm sau, 17 tháng 10, tôi mời tất cả Phật Tử, thiện tín lại để tổ chức nghi lễ truy niệm. Chúng tôi quyết định cử hành khóa lễ 21 ngày chuyên tâm niệm Phật ; tiếp theo là khóa lễ 120 ngày niệm Phật Đại Bát Nhã. Chúng tôi hy vọng, bằng cách này, vừa truy niệm công đức Ngài, vừa phần nào báo đáp được Pháp nhũ từ bi mà Ngài đã ban cho chúng tôi.

Tôi cũng đánh điện tín báo tin cho Pháp hữu trên khắp thế giới : Phật Giáo Giảng Đường ở San Francisco, Hội Phật Giáo ở Honolulu, Hội Phật Giáo Tân-Gia-Ba, Hội Cư Sĩ Zhan Li Vu ở Canada ; và các đệ tử ở Đài Loan, Miến Điện, Thái Lan, Ấn Độ, Tích Lan... và nhiều quốc gia khác ; trong đó có cả cư sĩ Vu Chấn Đông, Chủ Tịch Hội Phật Giáo Hữu Nghị Thế Giới. Hơn 100 bức điện tín được gửi đi. Đệ tử khắp nơi trên thế giới đều có điện phúc đáp, tổ chức lễ Truy niệm Hòa Thượng. Phật Giáo Hương Cảng cũng liên lạc phúc đáp bằng điện thoại. Vào ngày 18 tháng 10, các nhật báo Hương Cảng đều đưa tin rộng rãi.

Vào ngày 24 tháng 10, tôi phái hai cư sĩ đến Vân Cư để thỉnh xá lợi của Lão Hòa Thượng. Ngày 27, hai vị cư sĩ đến Chân Như Thiên Tự thỉnh được 10 viên xá lợi sáng ngời, tỏa chiếu rực rỡ ánh sáng năm màu. Về đến Giảng Đường vào trưa ngày 28, tôi hướng dẫn Đại chúng cúng dường hương hoa, đảnh lễ xá lợi. Đại chúng thấy đều hoan hỷ. Tôi có cảm giác như cả gánh nặng đã cất khỏi vai mình.

Xin nguyện cho những lời này nêu lên được một chuẩn mực về đức hạnh, để người người cùng noi theo mà tiến bước về cõi Phật, nguyện không bao giờ thối chuyển trong việc phát tâm cầu Vô thượng Bồ đề.\*\*\*



## Diệu Pháp Liên Hoa Kinh

### Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm

Hán dịch: Dao Tần, Tam Tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập.

Giảng Thuật: Hòa Thượng Tuyên Hóa, Vạn Phật Thánh Thành

“Lúc bấy giờ ngài Vô Tận Ý Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai phải, chắp tay hướng về Đức Phật mà thưa rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Bồ Tát Quán Thế Âm do nhân duyên gì mà có tên là Quán Thế Âm?”

#### Lược giải:

“Lúc bấy giờ”, tức là đương lúc ấy. Đương lúc ấy là thế nào? Chính là lúc Bồ Tát Vô Tận Ý ở hội Pháp Hoa hỏi về nhân duyên có tên gọi Quán Thế Âm Bồ Tát; cũng chính là lúc nói xong phẩm Diệu Âm Bồ Tát Bốn Sự, và bắt đầu nói phẩm là lúc nói Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm. “Ngài Vô Tận Ý Bồ Tát”. Sao gọi là Vô Tận Ý? Nói chung, có ba thứ vô tận:

**1. Thế giới vô biên trần nhiễu nhiễu:** Thế giới thì vô nhiều lượng vô biên, chúng ta không nên cho rằng thế giới là cái mà chúng ta mắt thấy tai nghe được, và đó là một thứ ranh giới của thế giới. Không phải thế đâu! Thế giới nhiều đến vô lượng vô biên, có thế giới này, thế giới khác..., vô lượng thế giới; cõi nước này, cõi nước khác..., vô lượng cõi nước, vô cùng vô tận, cho nên nói là “Thế giới vô biên trần nhiễu nhiễu”.

Sao gọi là nhiễu nhiễu? Nhiễu là nhiễu loạn; nhiễu loạn là bất định; bất định cũng

có nghĩa là động. Trần có nghĩa là không thanh tịnh, trên thế giới có rất nhiều vi trần. Thử nhìn khi mặt trời mới mọc, trong ánh dương quang thấy vô số vi trần lên lên xuống xuống trong không trung, lằng xằng lay động, chọt cao chọt thấp. Những vi trần này từ đâu đến? Bao nhiêu đất bụi ở thế giới này từ đâu có? Xét tận cội nguồn, truy cứu căn nguyên của vi trần này là vấn đề thật quan trọng. Tất cả vi trần này đều từ trong tâm của mỗi chúng sanh hiện ra. Tại sao? Vì trong tâm chúng sanh có quá nhiều vọng tưởng. Vọng tưởng giống như vi trần lằng xằng không an, luôn luôn di động. Chúng ta thử quan sát vọng tưởng sẽ thấy chúng nhiều vô số, nhiều đến nỗi không thể tính đếm được! Trong Kinh Lăng Nghiêm nói: “Trong một niệm có 90 sát-na”. Sát-na là một khoảng thời gian hết sức ngắn, mà trong một sát-na lại có 900 lần sanh diệt, cho nên nói “Thế giới vô biên trần nhiễu nhiễu”. Những thế giới này do đâu mà có? Do chúng ta "y chân khởi

vọng". Từ một niệm vọng tưởng mà tạo nên sơn hà đại địa, nhà cửa phòng ốc, nhiều thế giới nối tiếp nhau thành hình.

## 2. Chúng sanh vô tận nghiệp mang mang:

Thế giới là vô biên, nhân vì có thế giới cho nên có chúng sanh. Chúng sanh là do các duyên hòa hợp mà sanh ra. Có rất nhiều thứ do nhân duyên hòa hợp mà sanh, đại khái có 4 thứ: Thai sanh, noãn sanh, thấp sanh và hóa sanh. Tại sao có thai sanh? Thai nhân nơi *tình* mà có, là vì có thứ ái tình, nhân đó mà có sanh mạng mới. Noãn nhân tướng mà sanh, đó là do tư tưởng mà thành hình. Thấp sanh là nương nơi ẩm ướt mà sanh, ở nơi chỗ có khí ẩm ướt cũng có thể sanh ra. Hóa sanh tức là biến hóa mà sanh ra, đó là sanh mạng tự nhiên biến hóa mà sanh ra chứ không nương vào duyên của cha mẹ. Nói kỹ hơn, có 12 loại chúng sanh; ngoài bốn loại trên còn có 8 loại là: Có sắc, không sắc, có tướng, không tướng, chẳng phải có sắc, chẳng phải không sắc, chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng. Chúng sanh nhiều như vậy là do từ đâu đến? Chúng sanh là từ Phật tánh mà đến. Vì thế mới nói: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể làm Phật". Nhưng chẳng phải là nói chúng sanh là Phật, rồi không tu hành mà vẫn thành Phật. Nhất định phải dụng công tu hành tham thiền, học Phật pháp... mới có thể phản bản hoàn nguyên, mới thành Phật được; không phải nói chúng sanh hiện tại chính là Phật rồi mà chẳng cần phải tu hành. Hiểu một cách đơn giản như thế chính là một thứ tà tri tà kiến! Chúng ta cần phải tu hành học Phật pháp, y giáo phụng hành mới có thể thành Phật được. Cho nên mới nói chúng sanh là từ Phật tánh mà ra.

## 3. Ái hà vô để lãng thao thao: Ái hà là chỉ

tình yêu nam nữ; chẳng những ở nhân loại, mà ngay cả dị loại như súc sanh cũng chấp mê không ngộ vì chữ "yêu" này, nhất là súc sanh lại không rõ đạo lý, cho nên tâm dâm dục của chúng nặng phi thường; từng giờ từng khắc chúng đều nghĩ tưởng đến việc dâm dục. Nếu có thể sanh tâm quả dục, thanh tịnh tâm mình, cắt bỏ ái dục thì cách việc thành Phật không xa. "Ái hà" này thật không có đáy, càng chìm càng sâu, càng sâu càng chìm xuống nữa, nên nói là "vô để" (*không có đáy*). "Lãng thao thao" là thứ sóng dập dồn liên miên không dứt cũng như sóng nước vậy. Tại sao biển lại có sóng? Bởi vì trong tâm chúng sanh có sóng. Trong tâm chúng sanh có sóng là vì ái hà có sóng. Tâm ái này muốn bứt cũng bứt không dứt; dùng dao bén muốn chặt dứt tình ái cũng không dễ gì. Nhưng nếu bạn có trí huệ chân chánh thì giải quyết vấn đề này không khó, ấy gọi là "Guom trí huệ chém đứt dây tình ái". Người không có trí huệ thì rớt trong biển ái, càng quậy càng sâu. Chìm xuống đâu? Vì nó không có đáy, càng cựa quậy càng chìm sâu, càng sâu càng quậy càng chìm xuống thấp. Nói tóm lại, không có lúc nào kết thúc cho nên gọi là Vô Tận Ý.

Do ba ý đó nên Bồ Tát Vô Tận Ý muốn biến vô lượng thế giới thành thế giới Cực Lạc, muốn giáo hóa vô tận chúng sanh đều được thành Phật, và muốn lấp ái hà không đáy kia thành bằng phẳng. Cho nên Bồ Tát này gọi là Vô Tận Ý.

Bồ Tát là nói gọn, nói đủ là Bồ-đề Tát-đỏa, và là tiếng Phạn. Theo nghĩa Trung Quốc thì "Bồ" là giác, "Tát" là tình. Bồ-đề là giác đạo, Tát-đỏa là hữu tình, cũng là ý nghĩa dùng đạo lý giác ngộ để giác ngộ tất cả hữu tình. Dùng đạo lý tự giác này để giác ngộ tất cả chúng sanh. Chính mình

được khai ngộ, rồi muốn tìm cách dạy bảo mọi người cùng khai ngộ, ấy gọi là tự giác, giác tha. Bồ Tát từ đâu đến? Bồ Tát là từ chúng sanh mà đến. Bồ Tát trước kia cũng là chúng sanh, cũng đủ tất cả tánh chúng sanh như chúng ta hiện nay, không có gì khác cả. Nhưng các ngài là những bậc giác ngộ trong chúng sanh, là những bậc giác ngộ trong hữu tình, còn chúng ta đây lại là kẻ mê muội trong chúng sanh, hãy còn chưa giác ngộ. Nếu như hôm nay bạn giác ngộ thì bạn là Bồ Tát, ngày mai bạn giác ngộ thì ngày mai bạn là Bồ Tát. Mà giác ngộ cái gì? Giác ngộ cái vô minh. Nếu bạn biết vô minh từ đâu đến và có thể phá trừ được nó, đó là “giác” đấy. Nếu không phá được vô minh thì là “bất giác”. Phá được vô minh thì Pháp tánh cũng tự hiện bày, ái hà cũng khô cạn; ái hà khô cạn thì trí huệ hiện tiền. Đó là giác ngộ đấy. Bồ Tát là bậc giác ngộ chúng hữu tình, mà cũng là kẻ hữu tình đã giác ngộ, hai nghĩa đều dùng được. Bồ Tát còn gọi là chúng sanh “đại đạo tâm”, vì đạo tâm của các ngài rất lớn; và còn gọi là Khai sĩ, vì các ngài có thể khai mở những ngu si của chúng sanh để hiển hiện Phật tánh sẵn có.

**“Liên từ chỗ ngồi đứng dậy”:** Ở hội Pháp Hoa, Vô Tận Ý Bồ Tát nghe Phật nói phẩm Diệu Âm Bồ Tát Bốn Sự xong, liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi của mình. Tại sao phải đứng dậy? Bất luận ở trong một hội trường lớn nào, khi bạn muốn nói cần phải đứng dậy trước đã, chớ không thể ngồi tại chỗ rồi đưa tay lên hỏi. Như vậy là quá tùy tiện! Lúc ấy ngài Vô Tận Ý Bồ Tát muốn nói, nên Ngài chẳng những đứng dậy mà còn **“trịch áo bày vai phải”** nữa. Tại sao phải để lộ vai phải? Đó là để biểu lộ sự cung kính của thân nghiệp.

**“Chấp tay hướng về Đức Phật”:** Tiếp theo,

ngài Vô Tận Ý chấp hai tay lại, **“mà thưa rằng”**: Nói với Phật như thế này.

Câu **“Lúc bấy giờ ngài Vô Tận Ý Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai phải, chấp tay hướng về Đức Phật mà thưa rằng”** là Tôn giả A Nan thêm vào khi kết tập kinh điển. Câu này dùng để miêu tả nhân duyên của pháp hội. Bắt đầu từ **“Bạch đức Thế Tôn”** là lời của Bồ Tát Vô Tận Ý.

Bồ Tát Vô Tận Ý thưa một tiếng **“Bạch Đức Thế Tôn”**. Thế Tôn là bậc tôn quý của thế gian và xuất thế gian. Thế gian và xuất thế gian đều tôn kính Ngài.

**“Bồ Tát Quán Thế Âm do nhân duyên gì mà có tên là Quán Thế Âm?”** Bồ Tát Vô Tận Ý sau khi thưa một tiếng **“Bạch Thế Tôn”** rồi, nói: **“Bồ Tát Quán Thế Âm có sức oai thần to lớn như thế, có nguyện lực từ bi to lớn như thế - Ngài có thể cứu được 7 nạn, giải 3 độc, ứng 2 thứ mong cầu, ban cho 14 sự vô úy, có 19 cách thuyết pháp, 32 ứng thân - do nhân duyên gì mà gọi là Quán Thế Âm?”** **“Do nhân duyên gì”**, cũng chính là thưa hỏi về Bồ Tát Quán Thế Âm trong quá khứ đã tu pháp môn gì mà tên của Ngài là **“Quán Thế Âm”**? Đây là vấn đề mà Bồ Tát Vô Tận Ý đem thưa hỏi với Phật.

(còn tiếp)





## ĐẠI BI CHỦ CÚ GIẢI

### 2. NAM MÔ A RỊ DA

“Nam Mô” nghĩa lý như trước đã giảng.

“A Rị Da”, “A Rị” dịch là Thánh giả. Thánh giả lại có nghĩa là “viễn ly nhất thiết ác bất thiện pháp”, nghĩa là xa lìa tất cả các ác pháp và bất thiện pháp. Sở dĩ nói ác pháp và bất thiện pháp là nhằm chỉ nhiều loại và nhiều mức độ của sự xấu ác. “Da” nghĩa là “Lễ”. Cho nên “A Rị Da” là kính lễ Thánh giả vậy.

### 3. BÀ LÔ YẾT ĐẾ THƯỚC BÁT RA DA

“Bà Lô Yết Đế” được dịch là gì? Nghĩa là “Quán” trong hàm ngữ Quán Thế Âm Bồ Tát. Cũng dịch là “Quang” tức là “Quang Minh Biến Chiếu” (hào quang chiếu khắp). Lại còn dịch là “sở quán sát”, cảnh giới của sự quán sát.

“Thước Bát Ra Da” là “Tự Tại”. Hợp với câu trên là “Quán Tự Tại”, cũng tức là “Quán Tự Tại Bồ Tát”.

### 4. BỒ ĐỀ TÁT ĐỎA BÀ DA

“Bồ Đề” như chúng ta đều biết, Bồ Đề nghĩa là “Giác”; Phạn ngữ gọi là Bồ Đề, Tàu dịch là Giác hay Giác Ngộ.

“Tát Đỏa” nghĩa là “Độ”. Bồ Đề Tát Đỏa gọi tắt là “Bồ Tát”, tức là một chúng sanh đã Tự giác Tự độ. Tự mình giác ngộ và độ cho chính mình, rồi đem sự giác ngộ ấy độ cho chúng sanh.

“Bà Da” nghĩa là “Đánh lễ”. “Da” là khấu đầu đánh lễ. Cúi đầu đánh lễ ai? Cúi đầu đánh lễ Bồ Tát.

Theo đồ hình, câu này là “Bất Không Quyển Sách Bồ Tát áp đại binh”, nghĩa là bạn tụng câu chú này thì Bồ Tát Bất Không Quyển Sách đem thiên binh,



thiên tướng đến bảo hộ cho bạn.

## 5. MA HA TÁT ĐỎA BÀ DA

“Ma Ha” dịch là “Đại”, là “Đa”, và là “Thắng” “Ma Ha” với nghĩa “Đại” tức là chỉ cho người phát Đại Bồ Đề Tâm; Với nghĩa “Đa” chỉ cho rất nhiều người phát Đại Bồ Đề Tâm như vậy; Với nghĩa “Thắng”, nghĩa là rất nhiều người phát Đại Bồ Đề Tâm đều đến chỗ thành tựu và gặt hái được nhiều lợi ích thù thắng.

“Tát Đỏa” chữ Tát Đỏa này cùng với chữ Tát Đỏa trên không cùng một cách giảng. Chữ Tát Đỏa trên có nghĩa là “Độ”. Chữ Tát Đỏa này nghĩa là “Đồng Mãnh Giả”, Đồng Mãnh Giả là chỉ cho một người tinh tấn, một chúng sanh tu hành có nhiều công phu tinh tấn.

“Bà Da” tức là “Hương Tha Đảnh Lễ”, nghĩa là chúng ta phải hương về chư vị phát Đại Bồ Đề Tâm, chư Bồ Tát Đồng Mãnh tinh tấn mà khấu đầu đảnh lễ.

Trên đây là ý nghĩa của đoạn chú này, tức là nói về một vị Bồ Tát có khả

năng giác ngộ chính mình, tự hóa độ cho chúng sanh tính của chính mình, mà còn có thể giác ngộ cho người khác và độ cho vô số chúng sanh khác.

(còn tiếp)


## Kinh Sách Bằng Ân Tổng

- Khai Thị 1, 2, 3: Những bài Pháp thoại của Hòa Thượng Tuyên Hóa
- Hoa Sen Ngày Xuân: Ngữ Lục của Hòa Thượng Tuyên Hóa
- Cẩm Nang Tu Đạo: Ngữ Lục của Hòa Thượng Quảng Khâm
- Kinh A Di Đà do HT Tuyên Hóa lược giải.
- Chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông do Cố Lão Hòa Thượng lược giải.
- Pháp Ngữ: ngữ lục hay những lời khai thị của Cố Lão Hòa Thượng.
- Băng đọc Khai Thị 1 (gồm 6 cuốn)
- Băng đọc Khai Thị 2 (gồm 6 cuốn).
- Băng đọc "Pháp Ngữ" (gồm 4 cuốn).
- Băng đọc "Kinh A Di Đà do HT Tuyên Hóa lược giải." (gồm 4 cuốn).
- Băng đọc "Chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Lược Giải" (1 cuốn).

Nếu quý Phật tử muốn thỉnh kinh sách và băng đọc hay hỗ trợ công đức ấn tống xin thư về Vạn Phật Thánh Thành, chi phiếu xin đề DRBA/ Vietnamese Account.



NHÂN DỊP LỄ GIỖ CỐ LÃO HÒA THƯỢNG**NHỚ LẠI NHÂN DUYÊN  
"NHƯ THỊ" VỚI HƯ CÔNG**

 *BDH xin kính dâng một đoạn Cố Lão Hòa Thượng hồi ức nhân duyên "như thị" của Ngài với Tổ, để tưởng niệm đến Sư Phụ, đến Cố Lão Hòa Thượng trong dịp lễ giỗ này.*

Tôi (Hòa Thượng Tuyên Hóa) là một sơn tăng ở vùng núi Trường Bạch, thuộc một Thiên đường ở Mặc Thủy. Từ nhỏ, tôi đã có lòng thiết tha tu đạo giải thoát. Khi được nghe về đức hiếu nghĩa của Đại Sư Thường Nhân (người đời tôn xưng là Vương Hiếu Tử) ở Song Thành, tôi hằng ước nguyện sẽ có ngày được theo Ngài học tập giáo pháp. Cứ mỗi sáng, mỗi chiều, sau khi lạy Phật xong, tôi đều lạy Cha Mẹ. Thoạt đầu, Cha Mẹ tôi rất lấy làm lạ, nhưng sau một thời gian thì ông bà hiểu ra. Ít lâu sau tôi quy y Tam Bảo và tin sâu vào Phật Pháp. Được một thời gian, tôi đến Song Thành thọ học với Đại Sư Thường Nhân. Ngài dạy tôi luôn luôn nuôi dưỡng nguyện lực phát tâm xuất gia tu đạo. Sau khi Mẹ tôi qua đời, tôi lạy Hòa Thượng Thường Trí xin xuất gia, rồi dựng một cái chòi nhỏ thủ hiếu bên mộ Mẹ.

Từ lâu, được nghe tiếng Lão Hòa Thượng Hư Vân là bậc Thiện Tri Thức trong Thiên Tông, đang độ chúng ở chùa Nam Hoa, vùng Tào Khê. Tôi phát nguyện được đến đó tu tập. Tuy nhiên, đường đi khó khăn, phải vượt qua một vùng núi non hiểm trở, nên chưa thể đạt được sở nguyện. Sau, đến

thời kỳ Nhật chiếm đóng (1945 - Dân quốc năm 34), đường đi có phần dễ dàng hơn. Mùa thu năm 1946, vào giữa tháng 08, tôi lên đường cùng với hai môn đệ là Quả Năng và Quả Thuận. (Về sau Quả Năng tham phương hành cước không biết tin tức; còn Quả Thuận tự thiêu thân cúng dường Chư Phật).

Chúng tôi hướng về Tào Khê, ước nguyện được thân cận Hòa Thượng Hư Vân. Cuộc hành trình quá gian khổ, ngày đi đêm nghỉ; có khi lại đi suốt cả đêm, cho đến khi đến được chùa Bát Nhã ở Trường Xuân. Hai vị đệ tử lưu lại chùa này, đợi xin thọ giới Cụ túc vào Giới đàn năm sau sẽ mở ở đây. Tôi tiếp tục đi một mình, chẳng cần mang thêm áo quần, hành lý gì cả.

Khi đến Thiên Tân, tôi lưu trú ở Đại Bi Viện, nghe Lão Pháp Sư Thái Hư giảng kinh Lăng Nghiêm. Tôi gặp pháp Sư Thể Kính và cùng đi thuyền với Ngài đến chùa Chánh Giác ở Hồ Bắc. Cùng đi với chúng tôi có các Pháp Sư Thánh Chiếu, Thánh Diệu, Chiếu Định, Nguyên Tường, Nhuận Tuệ, Bổn Tri, Giác Tri, Duy Linh, Linh Quán và Tịnh Giới. Nhân đó, có làm bài kệ rằng :

Đồng chu cọng độ thập tứ tăng,  
Chúng giai tôn quý ngã độc bần.  
Nạp y nhất thực vô tha vật,  
Phàm nhân hủ báng dữ ha sân.

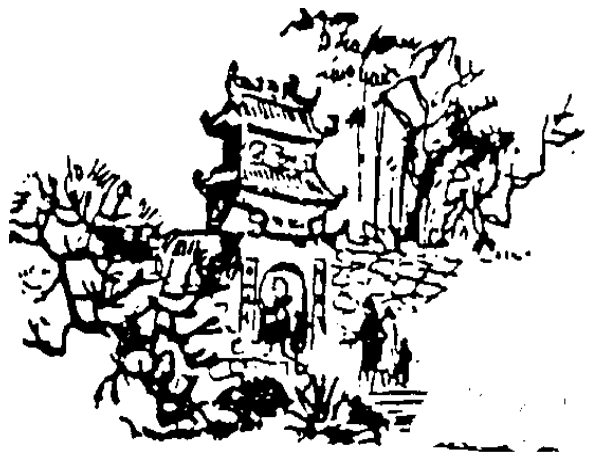
Tạm dịch :

*Mười bốn vị tăng cùng đi chung chuyến đò,  
Thấy đều tôn quý, chỉ riêng mình thật nghèo.  
Ăn một bữa, chỉ một nạp y, chẳng thêm vật  
gì khác nữa,  
Mặc cho người khinh chê, trách cười.*

Tại chùa Chánh Giác, tôi theo chúng chấp lao phục dịch, như chùi rửa phòng tắm, rửa chén bát, nấu nước, dọn vườn, quét dọn chánh điện ... Chỉ riêng thấy trong công phu hành trì thiền quán có nhiều tiến bộ.

Năm 1947, sau khi đến núi Phổ Đà xin thọ giới Tỳ Kheo, vào mùa thu tôi đến chùa Linh Nham Sơn ở Tô Châu xin vào Phật Học Viện. Cũng trong mùa thu ấy, tôi lại đến núi Hư Thanh tham dự thiền thất suốt qua mùa đông. Tại đây tôi có duyên được tham lễ Hòa Thượng Minh Quan và Hòa thượng Liễu Thừa.

Tháng giêng năm 1948, tôi rời Thượng Hải đáp thuyền đến chùa Báo Thông ở Hồ Bắc. Khi ở trên thuyền, trong người chẳng có lấy một đồng bạc, lại gặp một người bị bại liệt. Suốt thời gian ấy, tôi trì Chú Đại Bi, hướng sự chú nguyện gia trì cho người bệnh. Bệnh anh ta giảm thấy rõ và có thể đi lại



được. Sự việc này đã đánh thức lòng tôn kính và niềm tin vào Đạo Phật cho số hành khách ở trên thuyền. Trước khi rời thuyền, họ đã quyên góp tặng tôi 700.000 fabi. Nhờ số tiền này, tôi có thể mua vé xe lửa đi Khúc Giang. Lúc xuống ga, tôi gặp Đại Sư Châu Dịch, người Hồ Bắc. Cùng trò chuyện với nhau mới biết ông ta cũng đang trên đường đến chùa Nam Hoa ở Quảng Đông để theo học với Hòa Thượng Hư Vân. Tôi hỏi : “ Thầy có tiền để mua vé xe lửa không ?” Thầy trả lời “ Không”. Tôi mua vé cho thầy. Hai chúng tôi cùng đi xe lửa đến Mã Bá. Khi xuống ga, thầy nói : “ Tôi đói bụng quá !”. Sau khi mua vé xe, tôi còn lại 100.000 fabi, liền biếu hết cho ông, chẳng giữ lại đồng nào.

Đến chùa Nam Hoa, đảnh lễ Hòa Thượng Hư Vân, tôi cảm thấy mình như đứa trẻ con gặp lại Mẹ hiền ; như gã cùng tử lang thang nay trở lại quê nhà. Sau bao nhiêu năm lòng cảm phục, ngưỡng mộ, ao ước được gặp, đến lúc này mới được toại nguyện. Ban đầu, tôi được phân công làm hương đăng ở Tổ đường. Khi Pháp Sư Trí Tham đến thăm, tôi cùng Ngài bàn bạc, tâm đắc nhiều quan điểm về tinh thần tu tập. Pháp Sư lại giới thiệu với Hòa Thượng Hư Vân rằng tôi là người có năng lực, là bậc pháp khí. Lão Hòa Thượng gọi tôi lên phương trượng, khuyến khích tôi đảm nhiệm vai trò Giám học của Học Viện Giới Luật. Tôi không dám nhận. Ngài khuyến khích tôi đến ba lần. Tôi thưa: “Con đi ngàn dặm đến đây để gặp Hòa Thượng là vị Thiện Tri Thức, chỉ cầu liễu thoát sinh tử. Nếu Hòa Thượng có thể đoan chắc cho một lời thì dầu Ngài bảo con phải nhảy vào dầu sôi lửa bỏng, con quyết cũng không từ chối.” Lão Hòa Thượng đáp: “Mọi người tự tu tập để giải quyết việc sinh tử của riêng mình, như người ăn tự

thấy no. Nếu nói rằng tôi có thể đảm bảo cho ông thoát được sinh tử, đó là đánh lừa ông. Tôi không bao giờ làm điều đó. Tuy vậy, đối với việc tu tập, trong thì nên tập trung vào công phu quán chiếu ; ngoài thì nên làm công quả. Nhờ công phu trên cả hai phương diện Phước và Trí thì ai ai cũng sẽ được thành tựu. Không nên tu tập để mong thành một vị A-la-hán, chỉ lợi lạc cho riêng mình ; mà nên thực hành hạnh Bồ tát, tu tập vì lợi ích cho muôn loài. Hãy siêng năng làm việc phục vụ cho tăng chúng, cho Thường Trụ, và phát nguyện phụng sự cho lợi ích chúng sanh. Bằng cách đó mới có thể thánh tựu Phước Trí ; việc sinh tử cũng nhân đó mà tự liễu thoát” . Tôi lại khước từ. Lão Hòa Thượng liền bảo : “ Ông từ Đông Bắc Trung Hoa, lặn lội đến tìm tôi. Nếu không muốn nghe lời chỉ dạy thì bận tâm đến đây làm gì?” Nghe vậy, tôi bèn nhận việc.

Hàng ngày tôi thâm quan sát từng lời nói, việc làm ; từng oai nghi tế hạnh của Lão Hòa Thượng để học hỏi. Nhận thấy Ngài hoàn toàn thanh thản tự tại. Điều làm cho Ngài khác với mọi người là Ngài có năng lực tạo nên một mẫu mực phép tắc cho người khác bằng vào sự thực hành và ý nguyện chuyển hóa nỗi đau khổ cho mọi người ; cũng như bằng vào sự nghiêm túc trong giới luật của chính Ngài.

Một hôm, trong kỳ truyền giới vào mùa xuân, khi tiếng bảng báo thức vừa vang lên, bỗng nghe có tiếng cọp gầm ; ban đầu rất gần, sau rồi xa dần. Một người bạn đồng tu bảo tôi “ Đó là tiếng gầm của con cọp đã quy y với Lão Hòa Thượng. Hiện nay nó sống trong một cái hang phía sau núi. Mỗi khi có giới đàn, nó luôn luôn đến để bảo vệ đạo tràng.”

Sau kỳ truyền giới, Lão Hòa Thượng lặn lội một mình đến chùa Vân Môn, nơi

Ngài đang coi sóc việc kiến thiết trùng tu.

Mùa hạ năm đó, tôi đến quận Nam Thành ở Giang Tây để giảng kinh A-di-đà theo lời mời của Lão Cư Sĩ Hoàng Chú Tai. Tôi trở lại chùa Nam Hoa vào giữa tháng 8. Đến giữa tháng 9, có một nhóm thổ phỉ vào cướp phá chùa. Họ phá cổng chùa, xông vào Học Viện Giới Luật. Tôi ra gặp họ. Họ chia súng vào ngực tôi muốn bắn. Tôi hỏi : “ Sao các ông muốn bắn tôi?” Họ đáp : “ Vì ông không chịu mở cổng chùa” Tôi đáp : “ Tôi không mở cổng chùa vì các ông vào đây để cướp bóc, không phải vào cho tôi quà. Nếu ông ở vào vị thế của tôi, ông cũng chẳng dám mở.” Tên cướp bảo: “ Đưa tiền bạc ra đây ” . Tôi chỉ vào nạp y, đáp: “Nhìn đây, người mặc những chiếc áo may bằng từng mảnh vải như thế này, thì lấy tiền ở đâu ra mà đưa cho bọn các ông?” . Tên thổ phỉ hỏi: “Thế thì ai có?” Tôi đáp : “ Tôi là Pháp Sư ở đây, còn lại đều là học tăng. Tôi đã không có tiền thì các học tăng chắc còn nghèo hơn. Các ông có quyền lục soát phòng này và lấy bất cứ gì tùy ý.”

Nghe tôi đối đáp với bọn cướp như chẳng có việc gì nghiêm trọng, Pháp Sư Hoài Nhất ở phòng bên cạnh bước ra xem tôi nói chuyện với ai. Bọn cướp liền nắm ngay lấy thầy, vặn hỏi thầy những điều như chúng đã hỏi tôi. Thầy Hoài Nhất chột rơi nước mắt, cúi đầu xuống không dám nhìn chúng. Bọn cướp bảo: “Đưa tiền ra đây” . Thầy Hoài Nhất nói: “Hãy đến phòng tôi mà lấy”. Bọn chúng liền đến phòng thầy lấy sạch mọi thứ, để lại căn phòng trống không.

Sáng hôm sau khi vào lớp học, thấy Hoài Nhất nói với mọi người : “ Trong hơn một trăm tăng sinh ở Thiền Viện Nam Hoa này, chỉ có một người thể hiện được tinh thần Vô-úy. Đó là Pháp Sư Độ Luân.”

Đến giờ tôi lên lớp giảng, tôi nói: “Thầy Hoài Nhất nói chỉ có tôi là người có tinh thần Vô-úy trong chùa Nam Hoa, tôi nghĩ là chưa chính xác lắm. Theo tôi biết thì ít nhất cũng có đến bốn người có tinh thần Vô-úy. Trước hết là Lục Tổ Huệ Năng. Ngài ngồi bất động trong Chánh định, chẳng bận tâm để ý điều gì, như chẳng thấy có việc gì xảy ra trong chùa cả. Người thứ hai là Tổ Sư Hám Sơn, ngồi đơan nhiên trong Thiền định với đôi mắt khép kín, hàm dưỡng nội tâm, trong ngoài đều như không lạng, nhân ngã đều như tiêu trầm. Người thứ ba là Đan Điền Tổ Sư, như đang nhìn quanh dò xét mọi việc mà không nói một lời. Người thứ tư mới đến tôi, sơn tăng Độ Luân này, chẳng những nhìn thấy mà còn nói nữa. Tôi nói chuyện với bọn cướp làm chúng sững sốt, nhưng tôi chẳng thấy sợ hãi chút nào.” Tôi nói xong cả lớp đều bật cười.

Chẳng bao lâu, tin chùa bị cướp đến chỗ Lão Hòa Thượng Hư Vân. Ngài vội vã từ Vân Môn về ngay Nam Hoa. Ngài cho triệu tập toàn thể học tăng lại. Lão Hòa Thượng, Pháp Sư Hoài Nhất và tôi làm chủ tọa buổi họp. Có hơn 30 học tăng, như : Tổ Ấn, Vân Diệu, Ngô Vân, Tuyên Dương, Hằng Định, Đề Huy, Đề Quảng, Pháp Lương, Hải Long, Pháp Huệ, Vạn tâm, Chỉ Không, Pháp minh, Pháp Khai ...

... Sau sự kiện tu viện bị cướp, học tăng ai cũng bối rối bất an, muốn ra đi. Lão Hòa Thượng khuyến khích Pháp Sư Hoài Nhất ở lại nhưng ông cũng từ chối. Lão Hòa Thượng muốn thuyết phục học tăng ở lại, nhưng họ không nghe. Ngài thất vọng, lòng buồn bã nói rằng: “Từ nay về sau tôi chẳng bao giờ điều hành một Phật Học Viện nào nữa cả” . Nói xong Ngài phát tay áo, đứng dậy trở về phương trượng.

Tôi rất xúc động và nguyện sẽ nhận nhiệm vụ điều hành Phật Học Viện. Sau khi thầy Hoài Nhất đi Quảng Tây, tôi trở thành người độc nhất chịu trách nhiệm về mọi khóa học ở Học Viện Giới Luật chùa Nam Hoa. Vào ngày đầu năm 1949, tôi viết một bức thư cho Lão Hòa Thượng, xin thôi nhiệm vụ Chủ nhiệm Giáo vụ của Phật Học Viện, rồi sang ở tại Tàng Kinh Các để nghiên cứu các tạng kinh. Giới đàn năm đó tôi được thỉnh làm A-xà-lê trong hàng Tam sư. Giới đàn xong, tôi cùng Lão Hòa Thượng đến chùa Đại giám ở Thiều Quan. Rồi Hòa Thượng đề nghị tôi cùng đi với Ngài về Vân Môn. Tôi thuận theo Ngài, chỉ xin được trở về Nam Hoa trước, rồi sẽ đến Vân Môn sau.

Vào thượng tuần tháng 05, tôi khởi hành đi đến chùa Đại Giám. Đường vùng núi quanh co, khúc khuỷu và chật hẹp, chỉ có một đường. Đêm xuống, tôi còn cách Vân Môn khoảng 20 dặm. Vì tôi đi một mình nên khó mà đi nhanh được trên đoạn đường xa lạ đầy chướng ngại này. Bỗng dưng có ánh lửa lập lòe phía trước, tôi liền đi theo. Đốm sáng ấy cứ giữ một khoảng cách với tôi chừng trăm bước chân. Cuối cùng khi tôi đến được chùa Vân Môn thì đốm sáng tự biến mất. Nhìn quanh, tôi biết mình đã đến cổng tam quan Thiền Viện Đại Giác. Tăng chúng đang lúc chỉ tịnh.



Tôi gõ cửa bước vào, gặp ngay Hòa Thượng Hư Vân. Ngài hỏi: “Sao thầy đến trễ vậy?” . Tôi kể cho Ngài chuyện đóm lửa dẫn đường. Hòa Thượng nói: “Thật lạ kỳ! Đi qua đoạn đường núi đầy gian nan hiểm trở mà không người dẫn đường. Thật khó tưởng tượng nổi khi thầy đã tìm được lối đi trong màn đêm dày đặc. Thật là lạ!”

Sau khi xếp phòng cho tôi nghỉ xong, Lão Hòa Thượng nói: “Thầy đã là Ban Thủ (quản chúng) tại chùa Nam Hoa, nay thầy hãy nhận làm Ban Thủ ở chùa Vân Môn này luôn. Thầy hãy hướng dẫn tăng chúng công phu, tụng niệm, quá đường và tọa thiền.”

Nhưng tôi không trụ ở Vân Môn được lâu. Tôi bị bệnh do thời khí ẩm thấp, khiến trong người rất khó chịu, tôi liền thỉnh ý Lão Hòa Thượng xin được về Quảng Châu trị liệu. Ngài từ chối, bảo tôi: “Thầy chẳng nên đi. Nếu thầy đi chắc là khó trở về” .

Tôi thưa: “Đệ tử của Lão Hòa Thượng đã quyết chí. Con nhất định xin đi chữa bệnh”.

Nghe tôi thưa, Lão Hòa Thượng không ngăn được dòng nước mắt. Ngài nắm tay tôi, nói: “Nếu ông đi, chúng ta khó lòng gặp lại”. Tôi nói: “ Con sẽ trở về ngay khi khỏi bệnh. Xin Hòa Thượng đừng bận tâm về con.”

Lão Hòa Thượng nói: “Thầy đi lần này, hãy phát tâm thừa sự Đức Phật và Chư Lịch Đại Tổ Sư mà kiến lập Đạo Tràng. Cơ duyên trước mắt rất xán lạn. Hãy cố gắng nỗ lực tinh thần. Tự bảo nhậm lấy mình, đừng phụ lòng mong mỏi của tôi. Xin bái biệt!”

Tôi đến Quảng Châu, rồi qua Hương Cảng, trú tại chùa Đông Phổ Đà, Vào tháng 7, tôi về lại Quảng Châu, ở chùa Lục Dong, Hòa Thượng Minh Quan trụ trì yêu cầu tôi làm Đường Chủ kiêm Phó Trụ trì. Vì đã có dự tính trở về Vân Môn sau tiết Trung

thu, nên tôi chỉ thuận nhận việc đến rằm tháng 8 mà thôi. Nhưng đầu tháng 8, Thiều Quan lại bị chiếm đóng, nên đường giao thông bị gián đoạn, tôi không trở về được như dự tính. Vào đêm 18 tháng 8, nhân có 2 vị cư sĩ là Tạ Khoan Huy và Trần Khoan Mãn, giúp cho tôi chút tiền đi thuyền, tôi liền trở về Hồng Kông. Sau đó, tôi sang Thái Lan để nghiên cứu Phật Giáo Nam Truyền. Năm 1950, tôi trở lại Hồng Kông, ẩn cư tại Động Quan Âm, sống như người cầm điếu. Mỗi khi nhớ đến lời của Hòa Thượng Hư Vân lúc chia tay, tôi lại hối hận. Tôi muốn quay trở về để gặp Lão Hòa Thượng, nhưng không thể nào được nữa. Thật đau lòng! Than ôi, làm sao có thể nói được?

Mùa đông năm 1951, trùng tu chùa Tây Lạc Viên. Theo lời thỉnh cầu của các vị cư sĩ La Quả Minh, Trần Quả Phát, Dương Quả Thiện, Mạch Quả Liên ... tôi giảng kinh Địa Tạng ở chùa Thông Thiện. Vào mùa thu năm sau, tôi lại giảng kinh Kim Cang cũng tại chùa này. Rồi lại giảng kinh A-Di-Đà tại chùa Bảo Giác. Sau đó, tôi giảng kinh Thủ Lăng Nghiêm ở chùa Tây Lạc Viên suốt 14 tháng. Rồi lại giảng kinh Địa Tạng tại một ngôi chùa khác.

Khi tôi kiến thiết trùng tu Từ Hưng Thiền Tự, đắp một bức tượng Lão Hòa Thượng để biểu hiện sự kính ngưỡng cao tột nhất đối với Ngài. Tôi nhận được từ Ngài bản chứng minh truyền thừa - “*Chánh Pháp Nhân Tạng - Nguồn gốc truyền thừa của Chư Phật Tổ, là pháp từ tâm ấn tâm, truyền riêng ngoài giáo điển; là Niết bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, là pháp Chân không mà chẳng không, trên thuận ý Chư Tổ, dưới hóa độ quần sanh*”. Tôi được tiếp nhận ân huệ sâu thẳm ngọt ngào của Pháp nhũ, lòng càng cảm động.

Lão Hòa Thượng viết thư khuyến khích

tôi siêng năng tu tạo phước đức. Tôi phát nguyện quyên góp vài ngàn đô-la để đúc tượng Phật cho Đại Hùng Bửu Điện ở Chân Như Thiên Tự, núi Vân Cư. Tôi sang tận Miến Điện để mua vàng mạ về thếp vào tượng Phật. Lão Hòa Thượng rất hoan hỷ, viết thư tán thán. Điều này biểu hiện sự quan tâm sâu sắc của Ngài đối với thế hệ tương lai.

Ngài rất khiêm tốn và không hề làm phiền lòng ai. Ngài sống khắc kỷ với bản thân, tỏa lòng khoan dung độ lượng với mọi người. Đạo hạnh tinh nghiêm cao vời và lòng từ bi, bình đẳng vô lượng của Ngài đã tác động đến khắp mọi người. Ai ai cũng tin yêu và kính phục Ngài.

Trong một lá thư sau nữa, Ngài dạy tôi nên trở về núi Vân Cư. Trong lúc thiền quán, biết được Ngài đang muốn giao trách nhiệm điều hành Thiền Viện Chân Như cho tôi, nhưng do nhiều nhân duyên, tôi không thể nào làm theo lời dạy của Ngài được. Đến bây giờ, sự ân hận trong lòng tôi vẫn chưa dứt.

Giảng Đường Phật Giáo được thành lập, hàng ngày tôi bận rộn với việc giảng dạy Phật Pháp. Do vậy, không thể phân thân để làm việc ở cả hai nơi trong cùng một lúc. Tôi dự tính sẽ trở về với Lão Hòa Thượng sau khi sắp xếp công việc thỏa đáng và tìm được người giao phó công việc ở Hồng Kông.

Vào tháng 07 năm 1959, tôi nghe tin Lão Hòa Thượng bệnh nặng, ngày đêm lòng tôi vô cùng lo lắng. Tôi biết đó là điềm chẳng lành. Tôi đã lưu ý đến bức ảnh chân dung của Ngài chụp hồi năm 1958, với đôi mắt bình thản như nhìn vào chân trời xa xăm; lông mi dài như rủ che xuống mắt Ngài. Khi tôi thấy bức chân dung này, tôi cảm động, đành lễ nói rằng: “ Mọi khi

mắt Hòa Thượng đều nhắm lúc chụp hình; nhưng lần này, đôi mắt từ ái ấy lại mở rộng nhìn mọi loài hữu tình. Điều này quá lạ lùng! Chắc chắn đây phải là biểu hiện của một sự thay đổi lớn lao.”

Nay thì mọi việc dường như đã rõ ràng. Tôi liền thỉnh Chư Tôn Đức Tăng đồng khai lễ tụng kinh Sám Dược Sư liên tục trong mấy ngày. Tôi cũng nhấn tin trên báo chí cho các môn đệ của Lão Hòa Thượng được biết để cùng nhau chú nguyện, mong có được sự cảm ứng nhiệm mầu.

Lúc ấy, tôi thưa trước Đại Chúng: “ Tôi e rằng đây là dịp cuối cùng chúng ta vì sức khỏe của Lão Hòa Thượng mà đánh lễ Chư Phật, đánh lễ Đức Dược Sư Quang Như Lai.” Giọng tôi trầm nặng vì quá buồn, chư Tăng Ni đều khóc thầm khi nghe những lời nói ấy.

Rồi có một bức thư từ Vân Cư báo tin: “Bệnh của Lão Hòa Thượng đã có phần thuyên giảm.” Chúng tôi đều vui mừng. Khi đó, tôi liền tìm một họa sĩ để vẽ lại tiểu sử của Lão Hòa Thượng bằng tranh. Bộ tiểu sử gồm hơn 200 bức tranh bằng mực tàu, kèm theo đến vài vạn lời, trình bày đạo đức siêu tuyệt của Ngài; những hạnh nguyện, những gian khổ ngài đã trải qua, cùng năng lực ý chí tinh thần của Ngài. Công hạnh của Lão Hòa Thượng là biểu tượng mô phạm cho muôn đời; cho những bậc phát tâm tu hạnh Thánh Hiền noi theo. Suốt cả ngàn năm mới có một mẫu mực sáng chói như Ngài.

Bất hạnh thay, vào ngày 16 tháng 10, tôi nhận được điện tín báo tin Ngài đã an tường viên tịch vào lúc 1 giờ 45 phút ngày 12 tháng 10 tại Chân Như Thiên Tự, núi Vân Cư.

(xin xem tiếp trang 11)

# Thông Báo



## Vạn Phật Thánh Thành (Thất và Pháp Hội năm 1999)

### **Quán Âm Thất:**

Mỗi năm Vạn Phật Thành đều tổ chức *ba* lần Quán Âm Thất. Mỗi thất kéo dài bảy ngày, chuyên tu trì niệm hồng danh đức Quán Thế Âm Bồ Tát:

### *2) Tháng 7: từ ngày 25 đến 31*

Lễ đức Quán Thế Âm Bồ Tát thành Đạo sẽ cử hành vào chủ nhật ngày 25/7.

### *3) Tháng 10: từ ngày 24 đến ngày 30*

Lễ vía đức Quán Thế Âm Bồ Tát Xuất Gia sẽ cử hành vào chủ nhật ngày 24/10.

### **Địa Tạng Thất:**

Từ chủ nhật ngày 5 đến thứ bảy ngày 11 tháng 9, chuyên tụng Kinh Địa Tạng và trì niệm hồng danh đức Địa Tạng Bồ Tát.

Lễ vía Đức Địa Tạng Bồ Tát sẽ cử hành vào chủ nhật ngày 5 tháng 9, ngày đầu tiên của Thất.

**Lễ Vu Lan** sẽ tổ chức vào chủ nhật ngày 22/8.

### **Phật Thất:**

Từ chủ nhật ngày 19 đến thứ bảy ngày 25 tháng 12 năm 1999, chuyên trì niệm hồng danh đức Phật A Di Đà.

Lễ vía đức Phật A Di Đà sẽ cử hành vào chủ nhật ngày 19/12/1999.

### **Thiền Thất:**

- Một tuần thiền tập mùa hè dành cho beginners bắt đầu từ chủ nhật ngày 1 đến chủ nhật ngày 8 tháng 8.

- Ba tuần thiền thất mùa đông bắt đầu ngay sau Phật thất, từ ngày 26 tháng 12 năm 1999 đến ngày 16 tháng 1 năm 2000.

### **Hoa Nghiêm Pháp Hội**

Cũng như mọi năm để kỷ niệm ngày Cố Lão Hòa Thượng viên tịch, Vạn Phật Thành đều tổ chức Pháp Hội Hoa Nghiêm, trong suốt 21 ngày chuyên tụng Kinh Hoa Nghiêm, bắt đầu từ 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều. **Năm nay, Pháp Hội bắt đầu từ ngày 20 tháng 6 đến ngày 10 tháng 7.**

Lễ giỗ của Cố Lão Hòa Thượng sẽ cử hành vào ngày đầu tiên của Pháp Hội tức là vào chủ nhật ngày 20 tháng 6.

*Những khóa tu hay Thất trên là cơ hội rất tốt để quý Phật tử chuyên tâm dụng công, là môi trường rất tốt để cho công phu được miên mật. Nếu muốn thêm chi tiết, xin liên lạc Vạn Phật Thành.*



### **Băng đọc mời ấn tống:**

- Băng đọc Kinh A Di Đà Lược Giải của Cố Lão Hòa Thượng (gồm 4 cuốn).
- Băng đọc Pháp Ngũ (gồm 4 cuốn).

Nếu quý Phật tử muốn thỉnh những băng đọc trên xin thư về Vạn Phật Thành. Chi phiếu ủng hộ ấn tống, xin đề *DRBA/ Vietnamese Account*.

**Xin Lưu Ý:** Ban Phiên Dịch Việt Ngữ và Bồ Đề Hải đã thay đổi địa chỉ. Địa chỉ mới là:

*Dharma Realm Buddhist Association  
(Vạn Phật Thánh Thành)*

*2001 Talmage Rd.*

*Talmage, CA 95481-0217*

*Tel. (707) 462 - 0939*

*Fax. (707) 462 - 0949*

*E-mail: bodehai@hotmail.com*

## Hòa Thượng Hư Vân Họa Truyện

### 17. Ẩn Thân Hang Sâu, Âm Thâm Tu Tập



Bấy giờ, tại Tuyên Châu, thân phụ Ngài phái rất nhiều người đi tìm Ngài. Sau khi thọ giới, em họ của Ngài là Phú-Quốc liền khăn gói lên đường, tham phương hành cước; về sau chẳng rõ tông tích. Còn Ngài thì xả bỏ thân tâm, sống ẩn dật sau núi. Nơi ấy vốn là chốn thâm sơn cùng cốc, chỉ có cọp, beo, chó sói thường xuyên ra vào các hang động; chứ hiếm khi có bóng người lai vãng. Ngài sống ở đó, đói thì ăn hạt trái thông (tùng), khát thì uống nước trong từ khe núi.

Hòa Thượng Tuyên-Hóa có bài kệ tán rằng:

*Nham huyết khổ tu nại tuế hàn,  
Mưu Đạo vong thực y bất toàn,  
Hổ lang đồng du vi Pháp hộ,  
Vạn Phật Bảo Sám bái tam thiên.*

Nghĩa là:

*Khổ tu chịu lạnh chốn hang sâu,  
Vì Đạo quên ăn, áo rách sờn,  
Cọp, sói cùng nhau đến hộ Pháp,  
Vạn Phật Sám lễ ba ngàn lần.*

**Dharma Realm Buddhist Association \***  
**City of Ten Thousand Buddhas**  
**2001 Talmage Rd.**  
**Talmage, CA 95481 - 0217, U. S. A.**  
**Tel. (707) 462-0939 / Fax. (707) 462 - 0949**  
**bodehai@hotmail.com**

Non-Profit Org.  
US POSTAGE  
**PAID**  
Long Beach, CA  
Permit No.432

To : \_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_

\* Bờ Đề Hải phát hành mỗi 2 tháng. Mọi thư từ, góp ý hay thỉnh báo xin thư về Dharma Realm Buddhist Association (Vạn Phật Thành). Chi phiếu góp phần ấn tống, xin đề: DRBA/Vietnamese Account.